CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ

Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2008, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011;

2. Thông tư số 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối[1,2],

---

[1] Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ.

Điều 2.[3,4] Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và thay thế Quyết định số 1216/2003/QĐ-NHNN ngày 09/10/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ.

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành,

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định tại các văn bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực ngoại hối như sau:"

[2] Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản."

[3] Điều 14 và Điều 15 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 14. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này./."

[4] Điều 21 Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016 quy định như sau:

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối, các tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

"Điều 21. Điều khoản thi hành

1. *Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.*

2. *Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:*

- Khoản 12 Điều 4 Thông tư số 24/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thành lập và hoạt động ngân hàng theo các nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Phụ lục số 09.ĐGH kèm theo Thông tư số 25/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 của Ngân hàng Nhà nước về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo Nghị quyết về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. *Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./."*

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
ĐẠI LÝ ĐỔI NGOẠI TỆ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động đổi ngoại tệ của tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ cho Tổ chức tín dụng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối (dưới đây gọi là Tổ chức tín dụng được phép) trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hoạt động đổi ngoại tệ của các Tổ chức tín dụng được phép thực hiện theo quy định của Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng được phép phù hợp với quy định về mạng lưới hoạt động của Tổ chức tín dụng.

3. Hoạt động đổi đồng tiền của nước có chung biên giới với Việt Nam thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác và không chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng làm Đại lý đổi ngoại tệ

Các tổ chức kinh tế thuộc mọi thành phần (sau đây gọi là tổ chức) có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 Quy chế này được làm Đại lý đổi ngoại tệ cho các Tổ chức tín dụng được phép trên cơ sở hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ giữa Tổ chức tín dụng và tổ chức.

Đại lý đổi ngoại tệ chỉ được hoạt động sau khi được Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố) trên địa bàn cấp Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ.

Điều 3. Địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ

1. Cơ sở lưu trú du lịch (bao gồm các khách sạn, các khu nghỉ dưỡng cao cấp v.v...) đã được cơ quan quản lý nhà nước về du lịch xếp hạng từ 3 (ba) sao trở lên.

2. Cửa khẩu quốc tế (đường bộ, đường không, đường thủy).

3. Khu vui chơi giải trí có thưởng dành riêng cho người nước ngoài.

4. Văn phòng bán vé của các hãng hàng không, hàng hải, du lịch của nước ngoài và văn phòng bán vé quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam.

5. Khu du lịch, trung tâm thương mại, siêu thị có nhiều khách nước ngoài tham quan, mua sắm.

Điều 4. Hoạt động của Đại lý đổi ngoại tệ

1. Các Đại lý đổi ngoại tệ chỉ được hoạt động dưới hình thức dùng Đồng Việt Nam mua ngoại tệ tiền mặt của cá nhân và không được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân lấy đồng Việt Nam (trừ các Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế).

2. Các Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại các khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân mang hộ chiếu do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Một tổ chức chỉ được làm Đại lý đổi ngoại tệ cho một Tổ chức tín dụng và tổ chức có thể thỏa thuận đặt Đại lý đổi ngoại tệ ở một hoặc nhiều địa điểm trên địa bàn nơi tổ chức có trụ sở chính hoặc chi nhánh. Tên và địa điểm các Đại lý này phải được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn cấp.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Điều kiện để được làm Đại lý đổi ngoại tệ

Tổ chức có nhu cầu làm Đại lý đổi ngoại tệ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Là tổ chức được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam.

2. Có địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ theo quy định tại Điều 3 Quy chế này. Tổ chức có thể đặt Đại lý đổi ngoại tệ tại hoặc ngoài trụ sở chính, trụ sở chi nhánh.

3. Có cơ sở vật chất đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Đại lý đổi ngoại tệ như: nơi giao dịch riêng biệt (phòng hoặc quầy giao dịch không gắn liền với các hoạt động kinh doanh khác, chỉ chuyên làm dịch vụ đổi ngoại tệ) trong đó trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc như: bàn ghế, điện thoại, máy fax, két sắt, bảng thông báo tỷ giá công khai, bảng hiệu ghi tên tổ chức tín dụng ủy nhiệm và tên Đại lý đổi ngoại tệ.

4. Nhân viên trực tiếp làm ở Đại lý đổi ngoại tệ phải có Giấy xác nhận do Tổ chức tín dụng ủy nhiệm cấp, xác nhận đã được đào tạo, tập huấn kỹ năng nhận biết ngoại tệ thật, giả; cách thức ghi hóa đơn, cập nhật số liệu vào sổ sách kế toán; có trình độ tiếng Anh tối thiểu để giao tiếp với người nước ngoài khi thực hiện nghiệp vụ đổi ngoại tệ... .

5. Có quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ, có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn trong quá trình đổi ngoại tệ.

Điều 6. Hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ

Các tổ chức tín dụng được phép trước khi ký kết các hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ phải căn cứ quy định tại Điều 5 Quy chế này để tiến hành kiểm tra địa điểm đặt Đại lý, trang thiết bị, cơ sở vật chất và hướng dẫn nghiệp vụ cho nhân viên của Đại lý, đồng thời yêu cầu tổ chức xuất trình các giấy tờ, chứng từ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện làm Đại lý để ký hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ. Hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ phải bao gồm các nội dung chính sau:

1. Tên, địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại cần liên hệ của các bên ký kết hợp đồng.

2. Tên, địa chỉ các Đại lý đổi ngoại tệ (phường - xã, quận - huyện, tỉnh - thành phố).

3. Quy định Đại lý đổi ngoại tệ chỉ được mua ngoại tệ tiền mặt (trừ các Đại lý đặt ở khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) và bán lại số ngoại tệ tiền mặt đổi được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm.

4. Quy định về nguyên tắc xác định tỷ giá mua, bán (đối với Đại lý đặt ở các khu cách ly tại các cửa khẩu quốc tế) đối với khách hàng và tỷ giá bán lại ngoại tệ tiền mặt cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm phù hợp với quy định về quản lý ngoại hối; quy định các loại phí hoa hồng đại lý (nếu có).

5. Quy định về quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ trong đó bao gồm việc ghi chép, xuất hóa đơn cho khách hàng và lưu giữ chứng từ, hóa đơn, sổ sách và quy định về chế độ hạch toán, kế toán, chế độ báo cáo... .

6. Quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng, trong đó quy định rõ Đại lý đổi ngoại tệ phải thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ đổi ngoại tệ; quy định định kỳ Tổ chức tín dụng phải kiểm tra hoạt động của các Đại lý để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng và các quy định của pháp luật.

7. Thỏa thuận về mức tồn quỹ được để lại và thời hạn phải bán số ngoại tệ tiền mặt mua được cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm.

Điều 7. Thủ tục, hồ sơ cấp và gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ

1.[5] Các tổ chức sau khi đã ký hợp đồng làm Đại lý đổi ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép lập 01 bộ hồ sơ và gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi có nhu cầu đặt Đại lý đổi ngoại tệ để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ, hồ sơ gồm:

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 25/2011/TT-NHNN về việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động ngoại hối theo các Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2011, đã được sửa đổi theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 29/2015/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2016.

a. Đơn đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ (Phụ lục 1);

b. Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của chính tổ chức nộp hồ sơ Hợp đồng đại lý đổi ngoại tệ đã ký với tổ chức tín dụng ủy nhiệm;

c. Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp). Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi tổ chức đặt Đại lý đổi ngoại tệ xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ.

Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ cho tổ chức đặt đại lý đổi ngoại tệ tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi tổ chức đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố cấp Giấy chứng nhận phải gửi một bản sao Giấy chứng nhận đăng ký cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi tổ chức có trụ sở chính để biết và theo dõi.

Điều 8. Bán ngoại tệ cho cá nhân xuất cảnh về nước

Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại khu cách ly ở các cửa khẩu quốc tế được bán ngoại tệ tiền mặt cho cá nhân mang hộ chiếu nước ngoài khi xuất cảnh theo các quy định sau đây:

1. Bán từ 1.000 USD (Một nghìn Đôla Mỹ) trở xuống hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương cho cá nhân đã làm xong thủ tục xuất cảnh trên cơ sở xuất trình hộ chiếu.

2. Bán trên 1.000 USD (Một nghìn Đôla Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương cho cá nhân đã làm xong thủ tục xuất cảnh. Khi bán ngoại tệ, Đại lý đổi ngoại tệ yêu cầu người mua xuất trình hộ chiếu, hóa đơn (biên lai) đã đổi ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng được phép hoặc các Đại lý đổi ngoại tệ tại Việt Nam. Thời hạn hiệu lực của hóa đơn (biên lai) được sử dụng để mua lại ngoại tệ đã đổi trước đây là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn (biên lai) đổi ngoại tệ. Đại lý đổi ngoại tệ phải thu hồi hóa đơn (biên lai) đã đổi ngoại tệ trước đây.

Mức ngoại tệ cá nhân được mua lại tối đa không quá số ngoại tệ đã đổi ghi trên hóa đơn (biên lai).

Điều 9. Thời hạn bán ngoại tệ, mức tồn quỹ ngoại tệ

1. Đại lý đổi ngoại tệ phải bán toàn bộ số ngoại tệ mua được (ngoài số ngoại tệ tồn quỹ được để lại) cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm vào cuối mỗi ngày làm việc. Trong trường hợp địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ cách xa Tổ chức tín dụng ủy

nhiệm, đi lại khó khăn thì Tổ chức tín dụng căn cứ vào tình hình thực tế để thỏa thuận với tổ chức về thời hạn bán số ngoại tệ tiền mặt mua được nhưng tối đa không quá 7 (bảy) ngày làm việc.

2. Đại lý đổi ngoại tệ được tồn quỹ hàng ngày một số lượng tiền lẻ ngoại tệ tiền mặt để phục vụ hoạt động đổi ngoại tệ theo thỏa thuận giữa Tổ chức tín dụng ủy nhiệm với tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ nhưng tối đa không quá 2.000 USD (hai nghìn đôla Mỹ) hoặc các loại ngoại tệ khác có giá trị tương đương. Trường hợp Đại lý đổi ngoại tệ có nhu cầu tăng mức tồn quỹ ngoại tệ trên 2.000 USD, tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ phải có văn bản giải trình lý do gửi Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn nơi đặt Đại lý đổi ngoại tệ để xem xét, giải quyết.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tăng mức tồn quỹ của tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố căn cứ tình hình và nhu cầu thực tế trên địa bàn, trên cơ sở thỏa thuận giữa Tổ chức tín dụng ủy nhiệm với tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ để có ý kiến trả lời bằng văn bản về việc chấp thuận hay không chấp thuận việc tăng hạn mức tồn quỹ của Đại lý đổi ngoại tệ.

Điều 10. Trách nhiệm của Đại lý đổi ngoại tệ

1. Niêm yết, thông báo công khai tỷ giá mua ngoại tệ tiền mặt với đồng Việt Nam tại địa điểm đặt Đại lý đổi ngoại tệ và thực hiện mua ngoại tệ với khách hàng theo đúng tỷ giá đã niêm yết, thông báo. Riêng Đại lý đổi ngoại tệ đặt tại khu cách ly cửa khẩu quốc tế niêm yết, thông báo công khai tỷ giá mua, bán ngoại tệ tiền mặt với đồng Việt Nam và thực hiện mua, bán ngoại tệ với khách hàng theo đúng tỷ giá đã niêm yết, thông báo.

2. Tỷ giá mua, bán ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng và Đại lý được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng Đại lý giữa Tổ chức tín dụng ủy nhiệm với tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ, phù hợp với các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối.

3. Thực hiện chế độ ghi chép hóa đơn mua, bán ngoại tệ, cập nhật số liệu và sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Tổ chức tín dụng ủy nhiệm, phù hợp với chế độ hạch toán, kế toán hiện hành. Đại lý đổi ngoại tệ cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm nào thì sử dụng hóa đơn của Tổ chức tín dụng ủy nhiệm đó. Khi thực hiện đổi ngoại tệ, Đại lý đổi ngoại tệ phải giao một liên hóa đơn cho khách hàng.

4. Đại lý đổi ngoại tệ phải chấp hành đúng các quy định trong hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ và các quy định tại Quy chế này.

5. Trong quá trình hoạt động, khi Đại lý đổi ngoại tệ phát hiện trường hợp khách hàng sử dụng các loại ngoại tệ giả, ngoại tệ không còn giá trị lưu hành làm phương tiện mua bán, Đại lý đổi ngoại tệ có trách nhiệm lập biên bản, tạm giữ số ngoại tệ này và thông báo cho cơ quan có trách nhiệm để tiến hành điều tra, xử lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Tổ chức tín dụng ủy nhiệm

1. Tổ chức tín dụng được phép căn cứ vào nhu cầu mở rộng mạng lưới đổi ngoại tệ và việc đáp ứng đủ điều kiện làm Đại lý đổi ngoại tệ của tổ chức để xem xét ký hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ.

2. Tổ chức các lớp ngắn ngày để đào tạo, tập huấn kỹ năng nhận biết ngoại tệ thật giả và cách thức ghi hóa đơn, ghi chép sổ sách và cấp Giấy xác nhận cho nhân viên của Đại lý đổi ngoại tệ.

3. Cung cấp phần mềm cho các Đại lý để quản lý và theo dõi hoạt động đổi ngoại tệ tùy theo điều kiện cụ thể của Tổ chức tín dụng và tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ.

4. Kiểm tra, kiểm soát định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động đổi ngoại tệ của Đại lý do mình ủy nhiệm. Nếu phát hiện Đại lý đổi ngoại tệ vi phạm các quy định tại Hợp đồng đại lý và các quy định tại Quy chế này thì Tổ chức tín dụng tùy theo tính chất và mức độ vi phạm để có biện pháp xử lý thích hợp.

5. Trong trường hợp phải thanh lý hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ, trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thanh lý hợp đồng, Tổ chức tín dụng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn biết để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đổi ngoại tệ đã cấp và chấm dứt hoạt động đổi ngoại tệ của Đại lý.

Điều 12. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố

1. Chỉ đạo và hướng dẫn các Tổ chức tín dụng trên địa bàn chấp hành đầy đủ các quy định tại Quy chế này trong việc ủy nhiệm đại lý đổi ngoại tệ cho các tổ chức.

2. Kiểm tra, giám sát hoạt động đổi ngoại tệ của các Đại lý đổi ngoại tệ theo định kỳ hoặc đột xuất và xử lý những vi phạm nếu có theo quy định tại điều 14 Quy chế này.

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đại lý đổi ngoại tệ cho các tổ chức trên cơ sở các quy định của Quy chế này.

4. Báo cáo định kỳ hàng quý theo quy định tại điều 15 Quy chế này hoặc đột xuất theo yêu cầu của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động đổi ngoại tệ của các Đại lý trên địa bàn.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Đối với các Giấy phép làm Đại lý đổi ngoại tệ đã được cấp trước ngày có hiệu lực của Quy chế này

Các Tổ chức tín dụng có trách nhiệm rà soát lại các hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ đã ký với các tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ trước ngày Quy chế này có hiệu

lực thi hành. Đối với tổ chức có Đại lý đổi ngoại tệ đang hoạt động không đáp ứng các quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 6 Quy chế này, Tổ chức tín dụng phải thông báo cho tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ biết và trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ và yêu cầu tổ chức đó nộp lại Giấy phép làm Đại lý đổi ngoại tệ đã cấp cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn.

Các Đại lý đổi ngoại tệ đáp ứng các quy định tại Điều 3, Điều 5, Điều 6 Quy chế này vẫn được tiếp tục hoạt động nhưng phải nộp lại Giấy phép làm Đại lý đổi ngoại tệ đã cấp trước đây cho Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn để thực hiện việc chuyển đổi thành Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ. Thời hạn để chuyển đổi từ Giấy phép sang Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ là 3 (ba) tháng kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực.

Các bàn đổi ngoại tệ trực thuộc tổ chức tín dụng được phép vẫn tiếp tục hoạt động bình thường không phải làm thủ tục chuyển đổi đăng ký và thực hiện theo các quy định của Tổ chức tín dụng phù hợp với quy định về mạng lưới hoạt động của Tổ chức tín dụng.

Điều 14. Kiểm tra và xử lý vi phạm

1. Tổ chức tín dụng ủy nhiệm có trách nhiệm hướng dẫn và định kỳ (tối thiểu một tháng một lần) hoặc đột xuất kiểm tra hoạt động của các Đại lý đổi ngoại tệ trong việc chấp hành các quy định tại hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ và Quy chế này.

2. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố có trách nhiệm định kỳ hàng năm và đột xuất kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động đổi ngoại tệ của các Đại lý đổi ngoại tệ trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này.

3. Khi phát hiện Đại lý đổi ngoại tệ có vi phạm các quy định về hoạt động đổi ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố căn cứ vào tính chất và mức độ vi phạm, có quyền tạm thời đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ đã cấp và thông báo cho Tổ chức tín dụng ủy nhiệm để hủy bỏ hợp đồng Đại lý đã ký với tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ.

4. Trường hợp Tổ chức tín dụng ủy nhiệm liên đới chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của Đại lý đổi ngoại tệ thì Tổ chức tín dụng ủy nhiệm cũng bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo các quy định về xử lý vi phạm hành chính.

5. Tổ chức tín dụng ủy nhiệm có 2 (hai) Đại lý đổi ngoại tệ trở lên trong vòng 12 (mười hai) tháng vi phạm quy định tại Quy chế này sẽ không được ký kết mới các hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ với các tổ chức khác trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày phát hiện sai phạm lần thứ hai.

6. Tổ chức tín dụng ủy nhiệm có 3 (ba) Đại lý đổi ngoại tệ trở lên trong vòng 12 (mười hai) tháng vi phạm quy định tại Quy chế này thì sẽ không tiếp tục ký kết các hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ với các tổ chức khác.

7. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong Quy chế này thì tùy theo mức độ, tính chất của hành vi vi phạm mà có thể bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 15. Chế độ báo cáo

1. Hàng quý, trước ngày 5 (năm) tháng đầu quý sau, các tổ chức làm Đại lý đổi ngoại tệ phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố nơi đặt Đại lý đổi ngoại tệ về tình hình đổi ngoại tệ trong quý (Phụ lục 3).

2. Hàng quý, trước ngày 15 (mười lăm) tháng đầu quý sau, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp tình hình đổi ngoại tệ trên địa bàn trong quý và báo cáo về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Quản lý ngoại hối) (Phụ lục 4).

Phụ lục 1

TÊN TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../CV *....., ngày... tháng... năm.....*

ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ ĐỔI NGOẠI TỆ

Kính gửi: ***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam***
Chi nhánh Tỉnh (Thành phố).....

Tên tổ chức:.....
Địa chỉ tại:.....
Số điện thoại:..... Số Fax:.....
Quyết định thành lập số:..... Cơ quan cấp:..... ngày.....
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....
Cơ quan cấp:..... ngày.....
Lĩnh vực kinh doanh:.....
Vốn điều lệ:.....
Tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam số:.....
Tại Ngân hàng:.....
Tài khoản tiền gửi Ngoại tệ số:.....
Tại Ngân hàng:.....

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ theo hợp đồng Đại lý đổi ngoại tệ số..... ngày..... đã ký với..... (tên tổ chức tín dụng) tại các địa điểm sau:

Số TT	Tên Đại lý đổi ngoại tệ	Địa chỉ	Điện thoại
1	Đại lý đổi ngoại tệ số 1		
2	Đại lý đổi ngoại tệ số 2		
3	Đại lý đổi ngoại tệ số 3		
4			

Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định về quản lý ngoại hối hiện hành và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tài liệu kèm theo
-

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 2

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Chi nhánh Tỉnh, thành phố....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày... tháng... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐẠI LÝ ĐỔI NGOẠI TỆ

GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH, THÀNH PHỐ.....

- Căn cứ Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngoại hối;

- Căn cứ Quy chế hoạt động của bàn đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số /2008/QĐ-NHNN ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Xét đơn đăng ký Đại lý đổi ngoại tệ của..... (tên tổ chức).

CHỨNG NHẬN:

Điều 1. ..... (tên tổ chức)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Quyết định thành lập số: Cơ quan cấp:..... ngày.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: Cơ quan cấp:..... ngày..... đã đăng ký làm Đại lý đổi ngoại tệ tại các địa điểm sau đây:

Số TT	Tên Đại lý đổi ngoại tệ	Địa chỉ	Điện thoại
1	Đại lý đổi ngoại tệ số 1		
2	Đại lý đổi ngoại tệ số 2		
3	Đại lý đổi ngoại tệ số 3		
4			

Điều 2. Trong quá trình làm Đại lý đổi ngoại tệ,..... (tên tổ chức) phải tuân thủ quy định tại Quy chế đại lý đổi ngoại tệ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Nơi nhận:
- Tổ chức;
- TCTD ký hợp đồng Đại lý;
- Lưu.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục 3

Tên TCKT
Tên/Số Đại lý đổi ngoại tệ:
Địa chỉ: (nơi đặt bàn đổi ngoại tệ)
ĐT:

....., ngày... tháng... năm.....

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chi nhánh tỉnh, thành phố.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐỔI NGOẠI TỆ
(Quý..... năm.....)

Đơn vị: Quy USD

Tên đại lý đổi ngoại tệ	Tồn quỹ đầu quý	Doanh số mua ngoại tệ trong quý	Doanh số bán ngoại tệ cho khách hàng (đối với đại lý tại khu cách ly cửa khẩu)	Doanh số bán ngoại tệ cho TCTD	Tồn quỹ cuối quý
Đại lý đổi ngoại tệ số 1					
Đại lý đổi ngoại tệ số 2					
.....					
Tổng					

(Tỷ giá quy đổi ra USD đối với ngoại tệ không phải là đô la Mỹ lấy vào thời điểm báo cáo)

LẬP BIỂU **KIỂM SOÁT** **GIÁM ĐỐC**
(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 4

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
Chi nhánh tỉnh, thành phố.....

Kính gửi: **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (VỤ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI)**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ ĐỔI NGOẠI TỆ
(Quý..... năm.....)

	Số lượng Đại lý	Doanh số mua ngoại tệ (quy USD)	Doanh số bán ngoại tệ cho khách hàng (quy USD)	Doanh số bán cho TCTD (quy USD)
Tổng cộng				

LẬP BIỂU **KIỂM SOÁT** **GIÁM ĐỐC**
(Ký tên & đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 19/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2016
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Đồng Tiến

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng